

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 18-8-2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Quyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Tống Đức Hường;
2. Ông Nguyễn Dũng Nhân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Thanh H, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 5, ấp 1, xã Suối N, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ 5, ấp 1, xã Suối N, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh H trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông L sống chung với nhau từ năm 1991, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Suối N, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Trong quá trình chung sống, khoảng từ năm 2016 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ, cãi nhau, không có tiếng nói chung về tất cả mọi chuyện trong gia đình. Ông L hầu như ngày nào cũng uống rượu và không chung thủy, có người phụ nữ khác ở bên ngoài. Bà đã nhiều lần tha thứ nhưng ông L vẫn không thay đổi.

Nhiều lần, bà đã nhờ chính quyền địa phương hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng không thành và nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng nghĩ còn thương gia đình, thương con nên rút đơn khởi kiện. Nhận thấy vợ, chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Đăng N, sinh ngày 15-02-1992 (đã chết năm 2018) và Nguyễn Ngọc Mai H, sinh ngày 28-5-1996 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), tự lao động nuôi sống bản thân được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 7 năm 2022, bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:*

Về hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn là đúng. Trong quá trình chung sống, ông thừa nhận vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, chi tiêu không rõ ràng và bà H hay ghen tuông vô cớ cho rằng ông có người phụ nữ khác nhưng không có chứng cứ chứng minh, dẫn đến vợ chồng thường hay gây gổ, cãi nhau. Mỗi lần cãi nhau thì bà H lại chuyển ra ở nhà trọ và nộp đơn ly hôn tại Tòa án. Sau đó, vợ chồng hàn gắn với nhau thì bà H rút đơn khởi kiện. Tình trạng hôn nhân giữa ông và bà H vẫn không cải thiện, hiện nay vợ chồng đã ly thân, không ai nói chuyện với ai và không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên, do còn thương vợ thương con nên ông yêu cầu đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Đăng N, sinh ngày 15-02-1992 (đã chết năm 2018) và Nguyễn Ngọc Mai H, sinh ngày 28-5-1996 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), tự lao động nuôi sống bản thân được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa sơ thẩm:**

Bà Bùi Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy giữa bà Bùi Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; **khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14** ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bùi Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L.

+ Về nuôi con chung: Ghi nhận cháu Nguyễn Ngọc Mai H, sinh ngày 28-5-1996 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), tự lao động nuôi sống bản thân được nên bà Bùi Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận bà Bùi Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Thanh H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Bùi Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H, ông L.

[2] Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối N, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình cảm vợ chồng giữa bà Bùi Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và qua các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện cuộc sống hôn nhân của bà H, ông L không hạnh phúc, chung sống không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã và nhiều lần chính quyền địa phương can thiệp hòa giải nhưng không thành. Ông L không đồng ý ly hôn với bà H nhưng không có biện pháp hàn gắn đoàn tụ vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông L đã có mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm rạn nứt, ông bà không còn yêu thương quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H đối với ông L theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Ngọc Mai H, sinh ngày 28-5-1996 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), tự lao động nuôi sống bản thân được, bà H và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Bà Bùi Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bùi Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận cháu Nguyễn Ngọc Mai H, sinh ngày 28-5-1996 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), tự lao động nuôi sống bản thân được nên bà Bùi Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận bà Bùi Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Thanh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007370 ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã Suối N;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Đã ký**

**Nguyễn Thị Kim Quyên**

